

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KIM BẢNG
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST

Ngày 24 - 01 - 2025.

V/v “Ly hôn, con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Luân và bà Phạm Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Đào - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Đinh Như Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 70/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024 về việc “Ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2025, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị H, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn C, xã Ng, huyện K (nay là thị xã K), tỉnh Hà Nam; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Vũ Văn Ch, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Thôn C, xã Ng, huyện K (nay là thị xã K), tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn xin ly hôn đề ngày 22 tháng 7 năm 2024 và các lời khai tại Tòa án, chị Trương Thị Huệ là nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Văn Ch kết hôn hoàn toàn tự nguyện, trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ng, huyện K (nay là thị xã K), tỉnh Hà Nam ngày 24 tháng 4 năm 2000. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng đến năm 2017 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung và sự đồng cảm nhất là trong việc nuôi dạy con cái và quản lý kinh tế gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Mâu thuẫn của vợ chồng chị đã được hai bên gia đình, đoàn thể địa phương hòa giải nhưng không thành.

Từ đầu năm 2023, vợ chồng chị sống ly thân, chấm dứt quan hệ vợ chồng, không ai còn quan tâm gì đến cuộc sống, tình cảm của nhau. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Ch, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ch để chị ổn định cuộc sống.

Tại bản tự khai ngày 12 tháng 8 năm 2024 và các lời khai tại Tòa án, anh Vũ Văn Ch là bị đơn trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian sống ly thân của vợ chồng anh đúng như chị H trình bày. Nay anh xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị H, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H xin ly hôn anh, anh hoàn toàn nhất trí ly hôn với chị H.

Về con chung: Chị H, anh Ch thống nhất trình bày vợ chồng anh chị có ba người con chung là cháu Vũ Phương N, sinh ngày 24 tháng 7 năm 2001; cháu Vũ Thị Yến Nh, sinh ngày 18 tháng 02 năm 2006 và cháu Vũ Trường A, sinh ngày 09 tháng 01 năm 2013. Hiện các con đang với anh Ch. Khi ly hôn, anh chị thống nhất giao cho chị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu A; anh Ch cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đồng kể từ khi ly hôn đến khi cháu A đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Đối với cháu N và cháu Nh đã đủ 18 tuổi, có cuộc sống tự lập, anh chị thống nhất không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về con riêng: Không có.

Về tài sản chung, công nợ: Chị H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Anh Ch yêu cầu giải quyết về tài sản chung, công nợ chung nhưng không kê khai cụ thể các tài sản chung, công nợ chung và không đưa ra các căn cứ chứng minh về tài sản chung, công nợ chung để giải quyết.

Về tài sản riêng; công sức đóng góp: Không có.

Về diện tích đất nông nghiệp: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và không thay đổi bổ sung gì. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trương Thị H. 1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị H và anh Vũ Văn Ch. 2. Con chung: Giao cháu Vũ Trường A, sinh ngày 09 tháng 01 năm 2013 cho chị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Ch cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000đồng/01 tháng, kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. 3. Án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện của chị Trương Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Vũ Văn Ch là bị đơn; địa chỉ: Thôn C, xã Ng, thị xã K, tỉnh Hà Nam. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

[2] Về hôn nhân: Chị Trương Thị H và anh Vũ Văn Ch kết hôn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 24 tháng 4 năm 2000 tại Ủy ban nhân dân xã Ng, thị xã K, tỉnh Hà Nam. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, không thể hàn gắn. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2023 đến nay, không quan tâm gì đến cuộc sống, tình cảm của nhau, điều này chứng tỏ mâu thuẫn của vợ chồng chị H, anh Ch đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H xin ly hôn, anh Chiến nhất trí nên công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị H và anh Vũ Văn Ch là phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị H, anh Ch có ba người con chung là cháu Vũ Phương N, sinh ngày 24 tháng 7 năm 2001; cháu Vũ Thị Yến Nh, sinh ngày 18 tháng 02 năm 2006 và cháu Vũ Trường A, sinh ngày 09 tháng 01 năm 2013. Hiện các con đang với anh Ch. Khi ly hôn, anh chị thống nhất giao cho chị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu A; anh Ch cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đồng kể từ khi ly hôn đến khi cháu A đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Đối với cháu N và cháu Nh đã đủ 18 tuổi, có cuộc sống tự lập, anh chị thống nhất không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Xét thấy việc thỏa thuận nuôi con của các bên là tự nguyện được Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp với quy định tại Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107; Điều 110; Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Con riêng: Không có.

[5] Về tài sản chung, công nợ: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Huệ vẫn giữ nguyên quan điểm không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Ch yêu cầu giải quyết về tài sản chung, công nợ chung nhưng không kê khai cụ thể các tài sản chung, công nợ chung, không đưa ra các tài liệu, chứng cứ chứng minh tài sản chung, công nợ chung của

anh, chị nên Tòa án không có căn cứ để xem xét, giải quyết đối với yêu cầu về tài sản chung, công nợ chung của anh Chiến.

[6] Về tài sản riêng; công sức đóng góp: Không có.

[7] Về diện tích đất nông nghiệp: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Chị H, anh Ch thuận tình ly hôn nên mỗi bên phải chịu 75.000đồng án phí ly hôn. Anh Ch chịu 150.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, chị Huệ xin chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con (Chị H xin chịu thay cả phần án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con của anh Ch). Xét thấy, sự tự nguyện của đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 272; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107; Điều 110; Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị H và anh Vũ Văn Ch.

2. Con chung: Công nhận sự thỏa thuận của đương sự, giao cháu Vũ Trường A, sinh ngày 09 tháng 01 năm 2013 cho chị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Ch cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000đồng/01 tháng, kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi, lao động tự lập được.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị Trương Thị H phải chịu 150.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con (Chị H xin chịu thay cả phần án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con của anh Ch) được đối trừ số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án 0000171 ngày 05 tháng 8 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Chị đã nộp đủ tiền án phí.

4. Quyền kháng cáo: Chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Ch có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên phải thi hành án không tự nguyện thi hành xong các khoản tiền thì hàng tháng còn phải

chịu lãi suất của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thị xã Kim Bảng;
- T.H.A dân sự thị xã Kim Bảng;
- UBND xã Ng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Nguyệt